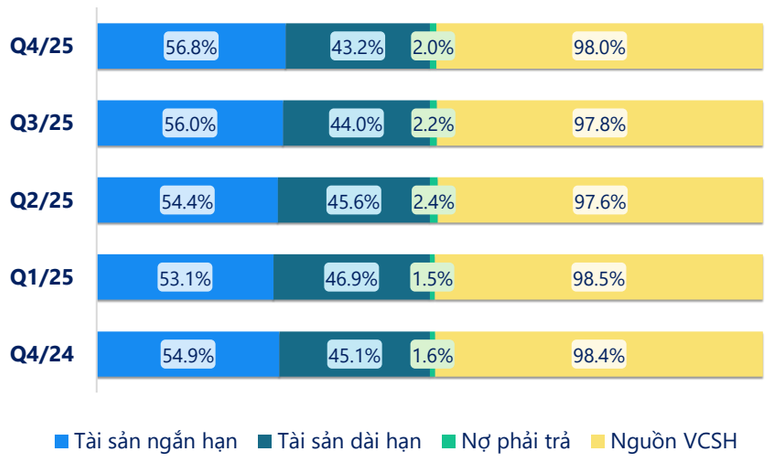
CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang (HSX: SKG)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	10,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,263
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,551
SL cổ phiếu LH	66,497,697
KLGD BQ 20 phiên (CP)	82,690
% sở hữu nước ngoài	40.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	665
P/E	13.9
EPS	721

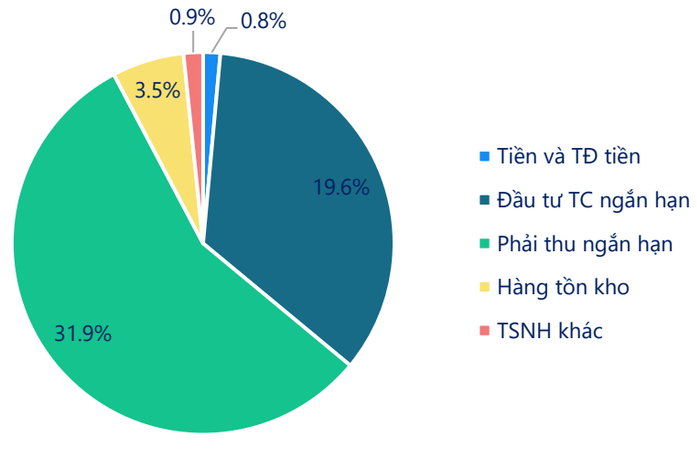
	YTD	1T	3T	6T
SKG	-8.5%	-3.4%	-7.4%	-3.8%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



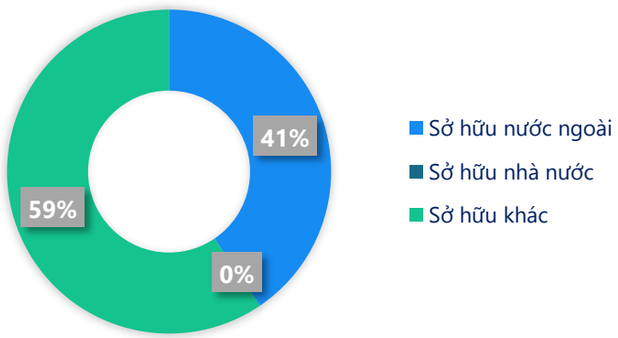
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



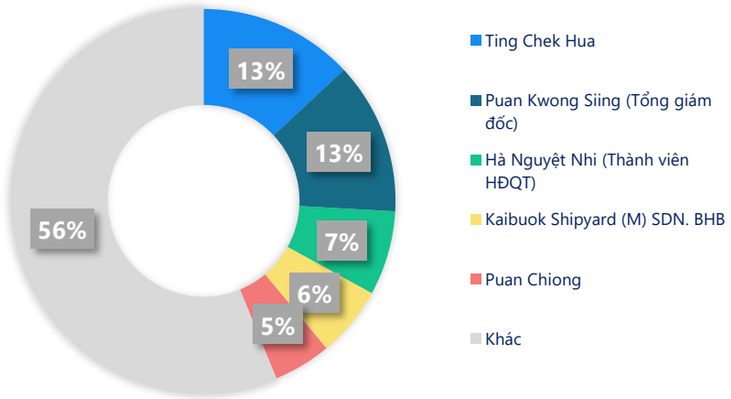
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



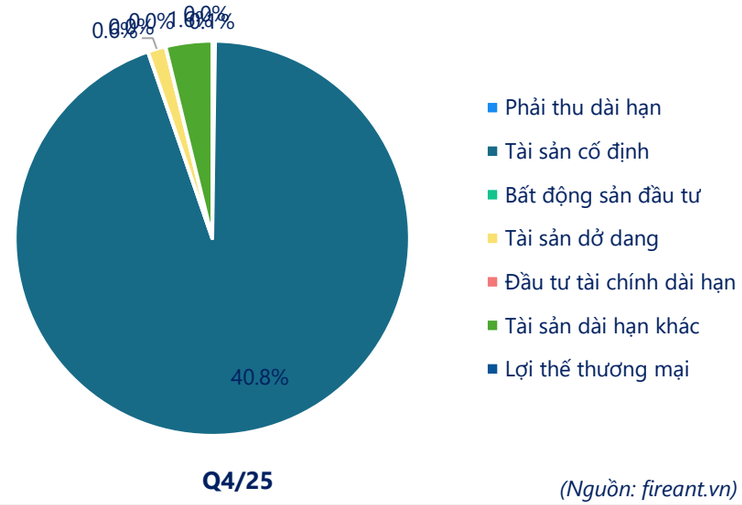
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

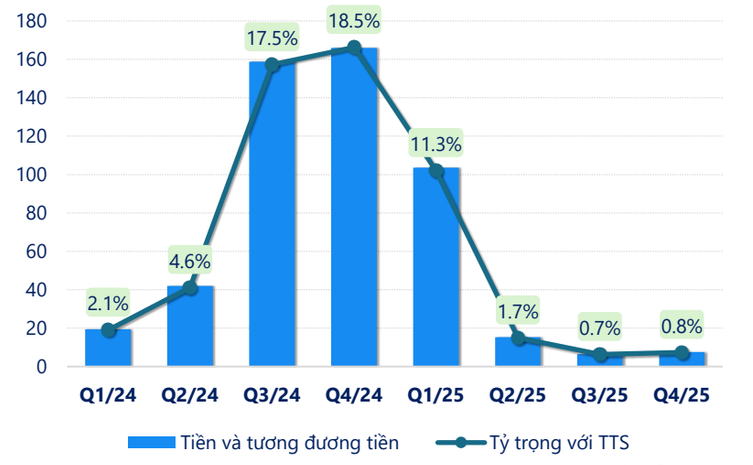


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

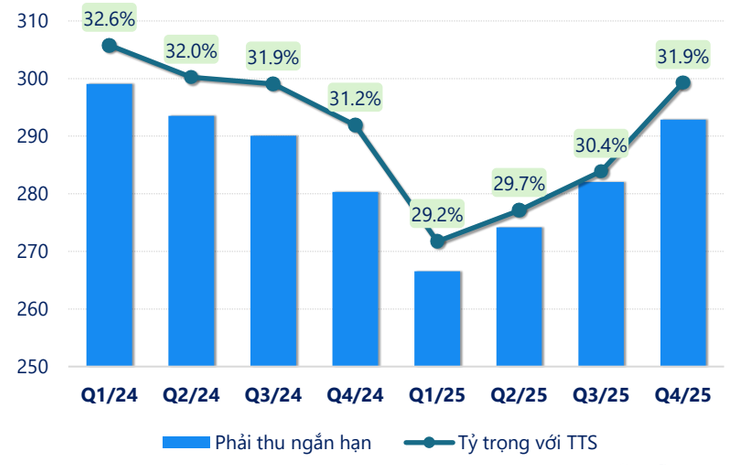
CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang (HSX: SKG)

Tiền và tương đương tiền



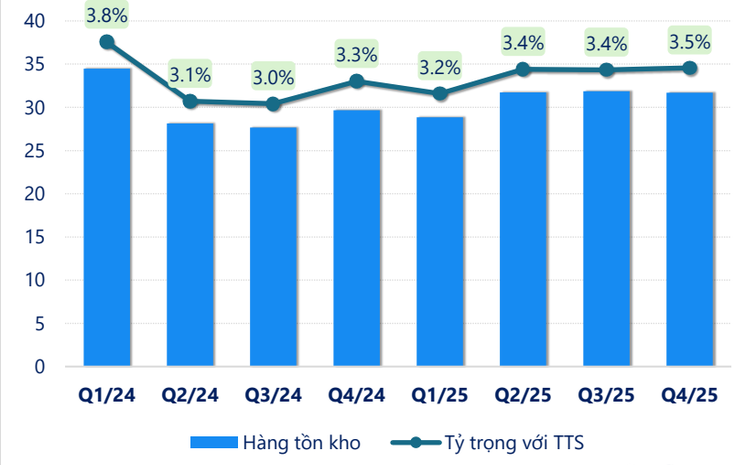
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



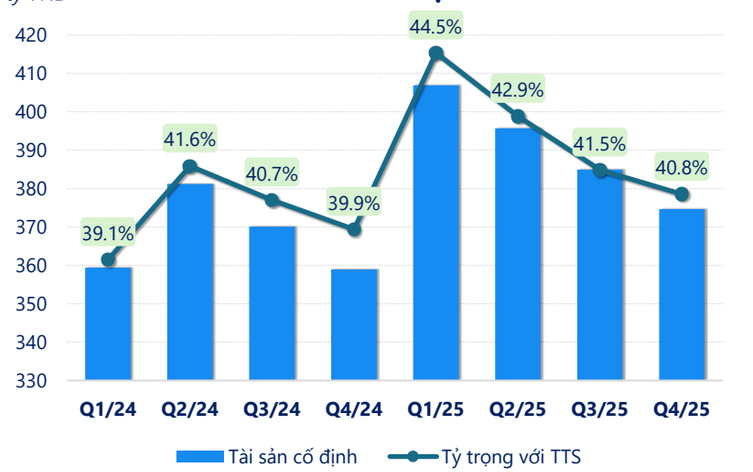
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



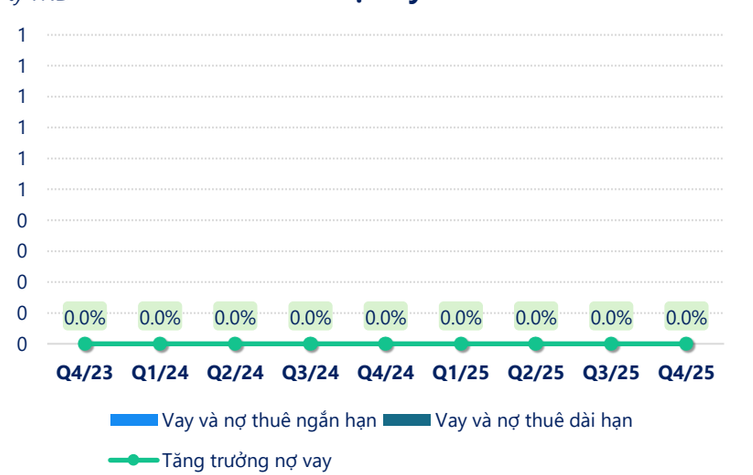
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



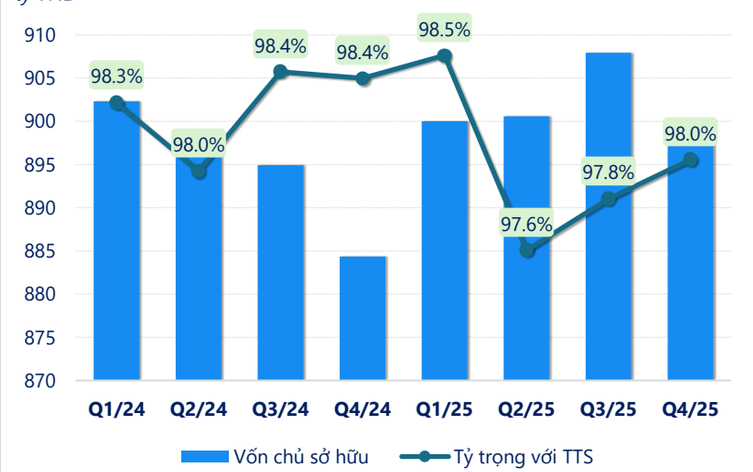
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

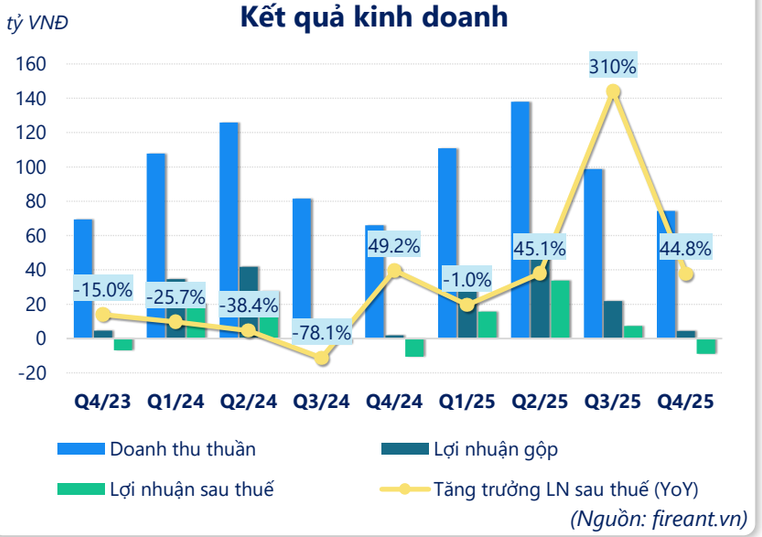


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

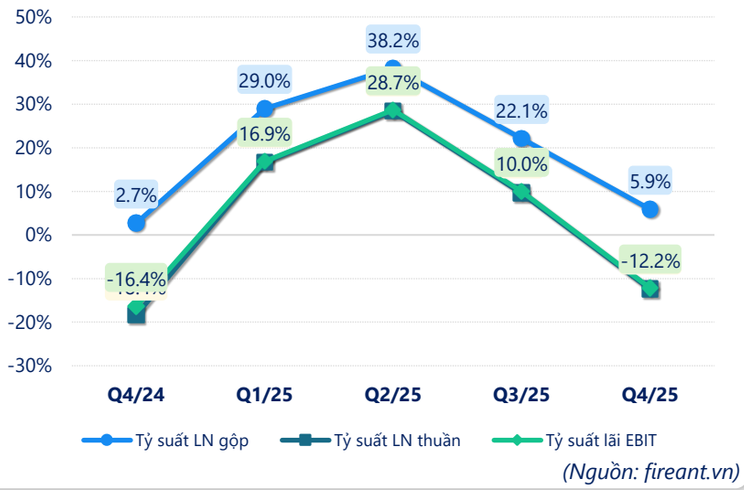
CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang (HSX: SKG)

Kết quả kinh doanh



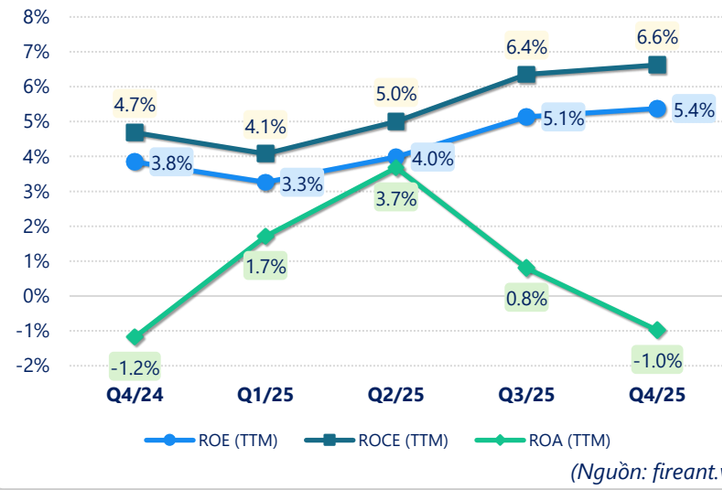
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



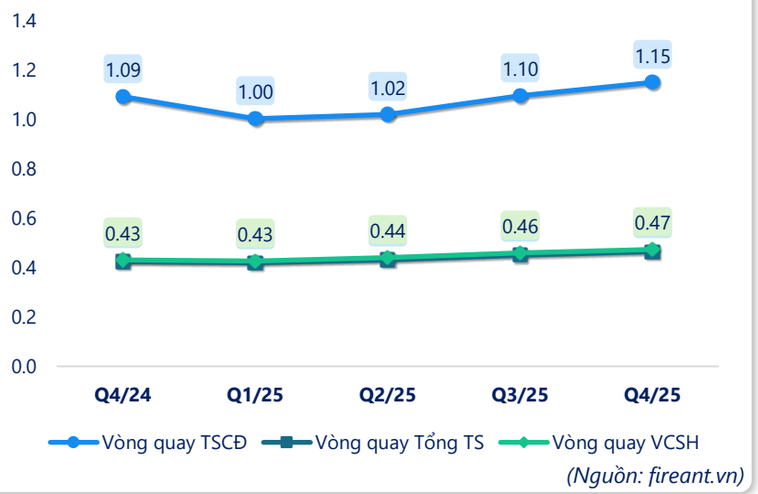
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



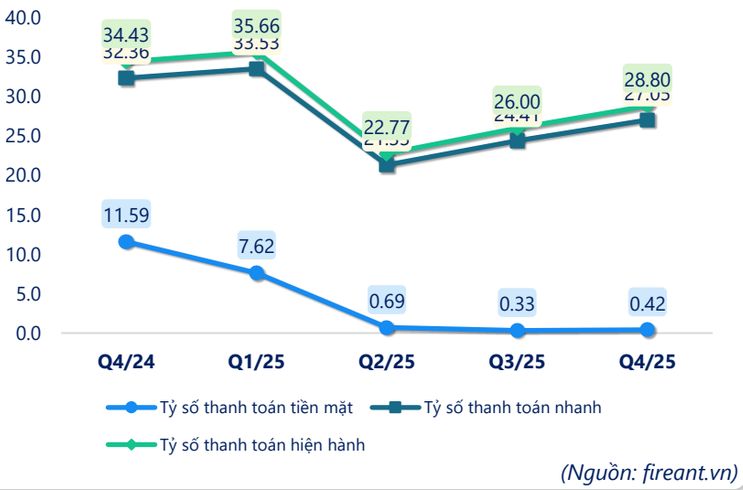
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



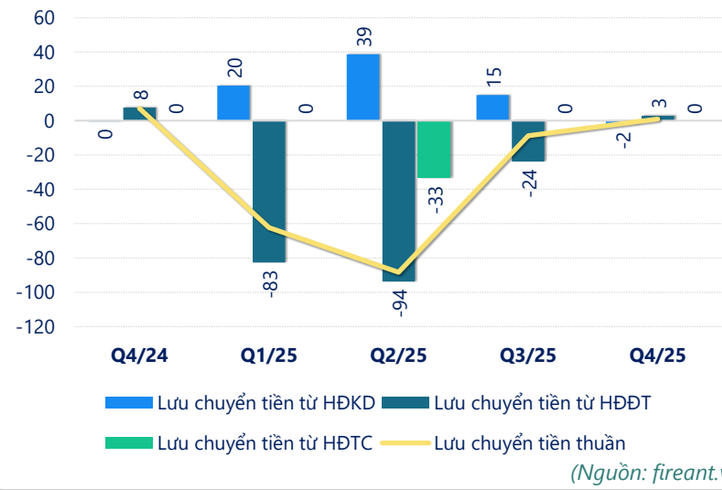
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang (HSX: SKG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**917**	**899**	**2.0%**
Tài sản ngắn hạn	521	493	5.5%
Tiền và tương đương tiền	7.54	166	-95.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	180	10.0	1700%
Phải thu ngắn hạn	293	280	4.5%
Hàng tồn kho	31.7	29.7	6.9%
Tài sản ngắn hạn khác	8.54	7.31	16.8%
Tài sản dài hạn	**396**	**405**	**-2.2%**
Phải thu dài hạn	0.91	0.81	12.4%
Tài sản cố định	375	359	4.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.86	32.3	-81.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**15.1**	**13.4**	**12.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	18.1	14.4	26.1%
Nợ ngắn hạn	**18.1**	**14.3**	**26.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1.43	1.59	-10.1%
Nợ dài hạn	0.06	0.06	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**899**	**884**	**1.7%**
Vốn chủ sở hữu	**899**	**884**	**1.7%**
Vốn điều lệ	665	665	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	66.0	111	138	98.7	74.3
Giá vốn hàng bán	64.2	78.8	85.2	76.9	69.9
Lợi nhuận gộp	1.78	32.2	52.8	21.8	4.36
Doanh thu HĐTC	1.83	1.66	3.16	2.56	2.84
Chi phí TC	0.00	0.04	0.15	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	10.9	11.6	12.5	11.1	11.1
Chi phí QLDN	4.87	3.68	4.09	3.78	5.37
LN thuần từ HĐKD	-12.1	18.5	39.2	9.48	-9.24
Lợi nhuận khác	1.30	0.21	0.34	0.36	0.17
LN trước thuế	-10.8	18.7	39.6	9.83	-9.07
Lợi nhuận sau thuế	-10.6	15.7	33.8	7.35	-8.92
LNST của CĐ cty mẹ	-10.6	15.7	33.8	7.35	-8.92

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.40	20.3	38.6	14.9	-1.90
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	7.58	-82.7	-93.7	-23.7	2.91
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-33.2	0	0
Tiền đầu kỳ	159	166	104	15.3	6.54
Lưu chuyển tiền thuần	**7.18**	**-62.3**	**-88.3**	**-8.79**	**1.00**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	166	104	15.3	6.54	7.54

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic